

BẢNG TÍNH PHƯƠNG ÁN BỎI THƯỜNG BỎI THƯỜNG, DI DỜI CÂY TRỒNG
Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bình Xuyên II (giai đoạn 2)

Kèm theo biên bản niêm yết, ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Ban Quản lý dự án xã Bình Xuyên
Chủ sử dụng: Đỗ Văn Đoàn (Đỗ Văn Tài)
Địa chỉ: Thôn Bắc Kế - xã Bình Xuyên - tỉnh Phú Thọ

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành Tiền	Ghi chú
	Bạch đàn ĐK thân >50cm	Cây	50	237.000	100%	11.850.000	
	Bạch đàn 40cm<ĐK Thân ≤50cm	Cây	30	180.000	100%	5.400.000	
	Bạch đàn 30cm<ĐK Thân ≤40cm	Cây	45	130.000	100%	5.850.000	
	Bạch đàn 15cm<ĐK Thân ≤30cm (không đùng mật độ)	Cây	215	75.000	50%	8.062.500	
	Bạch đàn 10cm<ĐK Thân ≤15cm (không đùng mật độ)	Cây	110	43.000	50%	2.365.000	
	Bạch đàn 5cm<ĐK Thân ≤10cm (không đùng mật độ)	Cây	70	40.000	50%	1.400.000	
	Keo 10cm<ĐK Thân ≤15cm (không đùng mật độ)	Cây	600	43.000	50%	12.900.000	
	Keo 5cm<ĐK Thân ≤10cm (không đùng mật độ)	Cây	1.000	40.000	50%	20.000.000	
	Keo ĐK thân < 5cm	Cây	400	33.000	50%	6.600.000	
	Tre đã đến tuổi khai thác	Cây	180	3.600	50%	324.000	
	Tre chưa đến tuổi khai thác	Cây	270	12.000	50%	1.620.000	
	Dù đủ có quả chưa cho thu hoạch	Cây	20	121.000	50%	1.210.000	



STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	Đơn giá	Mức hỗ trợ	Thành Tiền	Ghi chú
	Du đủ đang cho thu hoạch	Cây	30	163.000	50%	2.445.000	
	Sầu ĐK thân >30cm	Cây	2	1.697.000	100%	3.394.000	
	Sầu 15cm <ĐK Thân ≤35cm (không đúng mật độ)	Cây	3	1.414.000	100%	4.242.000	
	Me ĐK thân 15cm	Cây	1	386.000	100%	386.000	
	Tổng cộng					88.048.500	

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Văn Toàn

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Lợi



BẢNG TÍNH PHƯƠNG ÁN BỎ THƯỜNG TÀI SẢN, CÂY CỎI, VẬT KIẾN TRÚC

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Bình Xuyên II (giai đoạn 2)

Địa điểm: Thôn Bắc Kế - xã Bình Xuyên - tỉnh Phú Thọ

Kèm theo biên bản nghiệm yếu, ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Ban Quản lý dự án xã Bình Xuyên

Chủ sử dụng: Đỗ Văn Đoàn (Đỗ Văn Tài)

Địa chỉ: Thôn Bắc Kế - xã Bình Xuyên - tỉnh Phú Thọ

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng (số lượng)	G _{xm} (Giá trị xây dựng)		CSG _{tr}	CSG _{tr2025}	G _{bs} (Giá trị bổ sung)		Mức hỗ trợ	G _{tr} (Giá trị bồi thường) ĐVT: đồng	Ghi chú
				Đơn giá	Thành Tiền			Đơn giá	Thành Tiền			
I	Tài sản xây dựng trên thửa đất số				1	2	3		4	5	6 = (1x2/3+4)x5	
	Ao đào bằng thủ công: 30*10*2	m3	600,00	264.358	158.614.800	112,54	112,54			80%	126.891.840	
	Đắp đất: 500m ² x2,0m	m3	1.000	137.074	137.074.000	112,54	112,54			80%	109.659.200	
	Hàng rào lưới B40 có cột sắt với kích thước D34 không khung: 120*1,8	m2	216,00	192.515	41.583.240	112,54	112,54			80%	33.266.592	
TỔNG CỘNG											269.817.632	

NGƯỜI LẬP

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Toàn

Phạm Đức Lợi